| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ML**<br>**TỈNH SL** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21-01-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị K và anh N.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Minh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị QTK, sinh 1994, trú tại: Bản TL, xã CH, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh TVN, sinh 1989, trú tại: Bản TL, xã CH, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/03/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị QTK trình bày:

Chị và anh TVN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 11/4/2013 có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã MK, huyện TC, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh TVN không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị QTK xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh TVN.

Về con chung: Có hai con là TTL, sinh ngày 24/4/2014, TVĐ, sinh ngày 06/8/2016. Chị QTK và anh TVN cùng hai bên gia đình thống nhất anh TVN nuôi tất cả các con, hiện nay các con đều đang ở với anh TVN và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh TVN trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị QTK. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do đi làm ăn xa, nghi ngờ vợ ngoại tình, anh không nghiện như chị QTK khai. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai người sống ly thân không quan tâm đến nhau, chị QTK yêu cầu ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Có hai con là TTL, sinh ngày 24/4/2014, TVĐ, sinh ngày 06/8/2016, anh sẽ là người nuôi và không yêu cầu chị QTK cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ để xử cho chị QTK được ly hôn anh TVN.

Về con chung: Giao cho anh TVN trực tiếp nuôi hai con là TTL, sinh ngày 24/4/2014, TVĐ, sinh ngày 06/8/2016. Anh TVN không yêu cầu chị QTK phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị QTK chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh TVN sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bầy nguyện vọng, anh TVN đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã CH, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh TVN.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị QTK và anh TVN có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh TVN không chăm lo xây dựng gia đình. Hai người đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị QTK và anh TVN đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị QTK yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị QTK được ly hôn anh TVN.

[3] Về con chung: Có hai con là TTL, sinh ngày 24/4/2014, TVĐ, sinh ngày 06/8/2016. Chị QTK và anh TVN cùng hai bên gia đình thống nhất anh TVN trực tiếp nuôi các con, hiện nay các con đều đang ở với anh TVN và chị QTK không phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị QTK chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị QTK được ly hôn anh TVN.

2. Về con chung: Giao cho anh TVN trực tiếp nuôi hai con là TTL, sinh ngày 24/4/2014, TVĐ, sinh ngày 06/8/2016. Anh TVN không yêu cầu chị QTK phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị QTK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004050 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị QTK được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 21/01/2021.

Anh TVN được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã MK, huyện TC (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

***Nguyễn Minh Tuấn***